

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 21-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Mai Sao và ông Vũ Công Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lù A S, sinh ngày 14/10/1966; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản Q, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: chưa qua đào tạo; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lù A N (đã chết) và bà Thảo Thị P (đã chết); có vợ Sòng Thị S, sinh năm 1968 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2018 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Lù A K, sinh ngày 01/01/1968; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản Q, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: chưa qua đào tạo; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lù A C (đã chết) và bà Hạng Thị M, sinh năm 1940; có vợ Mùa Thị G, sinh năm 1980 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2018 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sòng Thị S, sinh năm 1968, nơi cư trú: bản Q, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người phiên dịch:* Thảo A C, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tiểu khu V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 6 giờ 40 phút, ngày 22/5/2018 tại bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Tổ công tác Công an huyện B cùng Ban Công an xã H làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính đối với Lò A S đang điều khiển xe máy Wave biển kiểm soát (BKS) 26B2 – 213.xx chở Lò A K. Khi bị kiểm tra Lò A S đã lấy từ trong túi vải thêu hoa văn đang đeo trên người ra 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa các viên nén hình tròn màu hồng và 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa chất bột màu trắng, Lò A S và Lò A K khai nhận đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng gồm: 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa viên nén màu hồng; 01 túi vải thêu hoa văn, có khóa kéo, dây đeo; 01 chiếc xe máy hiệu HONDA, loại Wave RSX, BKS 26B2 - 213.xx, màu đỏ bạc đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 034453 mang tên Lò A S; 02 chìa khóa xe máy ký hiệu A88.

Trong quá trình điều tra S cùng K khai về nguồn gốc chất bột màu trắng và viên nén màu hồng (ma túy) là do K dẫn S đi mua, cụ thể: ngày 21/5/2018 S hỏi K “Em có biết chỗ nào bán ma túy không? Biết chỗ thì đưa anh đi mua, nếu mua được ma túy thì anh sẽ chia cho một ít để sử dụng”, K nói “Anh quay lại xã C đi”, S điều khiển xe máy chở K quay lại, tại khu vực giáp biên giới Việt Nam – Lào thuộc địa phận xã C, huyện M thì K nhìn thấy người phụ nữ dân tộc Mông đi ngược chiều, K liền bảo S dừng xe lại và chỉ tay về người phụ nữ thì cùng lúc người phụ nữ đi đến hỏi chuyện với K và S; S hỏi và mua được ma túy là Heroine và viên hồng phiến với người phụ nữ này hết số tiền 1.010.000VNĐ, có được ma túy S cùng K đã sử dụng một phần còn lại S cất giấu trong túi vải để sử dụng; xe máy hiệu HONDA, loại Wave RSX, BKS 26B2 - 213.xx, màu đỏ bạc đen là tài sản chung của gia đình do S đứng tên đăng ký.

Ngày 27/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Phòng PC54 Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định trọng lượng (khối lượng) và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò A S và Lò A K, như sau: Số viên nén màu hồng trong gói nilon màu xanh thứ nhất có khối lượng là 1,0315 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu là M1. Số chất bột màu trắng trong gói nilon màu xanh thứ hai có khối lượng là 4,028 gam, tách ra 0,1028 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là M2, còn lại 3,9252 gam ký hiệu là C2, lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 29/5/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 644, kết luận: “Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M2 là ma túy; Loại Heroine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1028 gam. Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 là ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng của mẫu gửi

giám định là 1,0315 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,0315 gam loại Methamphetamine và 4,028 gam loại Heroine”.

Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hai chất ma túy Heroine và Methamphetamine thu giữ của Lù A S được quy định trong cùng một điểm (điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015) nên khối lượng chất ma túy cộng lại là 5,0595 (Năm phẩy không năm chín năm) gam.

Đối với người phụ nữ bán trái phép chất ma túy cho Lù A S và Lù A K, Cơ quan chức năng đã xác minh nhưng không có cơ sở để điều tra.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-BY ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Lù A S và Lù A K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Tại đơn đề nghị và lời khai tại phiên tòa chị Sông Thị S xác định: chiếc xe máy S bị thu và tạm giữ là tài sản chung của gia đình dùng tiền tiết kiệm mua được, việc Lù A S sử dụng khi tàng trữ trái phép chất ma túy gia đình không biết, đề nghị xin nhận lại chiếc xe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B luận tội và tranh luận: giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo; đề nghị tuyên bố các bị cáo Lù A S và Lù A K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lù A S từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lù A K từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy của Lù A S: 3,9252 gam Heroine, ký hiệu là C2; 02 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu; 02 mảnh nilon màu xanh và 01 túi vải, thêu hoa văn. Trả lại: Sông Thị S 01 xe máy hiệu HONDA, loại Wave RSX, BKS 26B2 – 213.xx; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 034453 mang tên Lù A S và 02 chìa khóa xe máy, mã số A88. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí cho các bị cáo.

Bị cáo Lù A S và Lù A K tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng sự khoan hồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sông Thị S tranh luận: nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xin nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Ngày 21/5/2018 Lù A S hỏi Lù A K về địa điểm mua bán trái phép chất ma túy, vì K cũng là người nghiện ma túy nên đã trực tiếp ngồi sau xe máy chỉ dẫn S điều khiển xe máy đến khu vực giáp biên giới Việt Nam – Lào thuộc địa phận xã C, huyện M để mua ma túy; sau khi mua được ma túy S và K cùng nhau sử dụng một phần, số ma túy còn lại S cất giấu trong túi vải, đeo trên người rồi điều khiển xe máy chở K về đến bản H, xã H, huyện B thì bị phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 6 giờ 40 phút, ngày 22/5/2018. Tại kết luận giám định số 644, ngày 29/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, Kết luận: “Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M2 là ma túy; Loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1028 gam. Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,0315 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1,0315 gam loại Methamphetamine và 4,028 gam loại Heroine”; cộng khối lượng hai chất ma túy là 5,0595 gam. Như vậy, Lù A S và Lù A K là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lù A S và Lù A K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo S và K trực tiếp mua và cất giấu, cất giữ hai chất ma túy (Heroine và Methamphetamine) có tổng khối lượng là 5,0595 gam, tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam” đã phạm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất

đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: các bị cáo đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì nghiện ma túy các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó Lù A S giữ vai trò chính (trực tiếp khởi xướng, bỏ tiền mua và cất giữ, cất giấu trái phép chất ma túy) đồng thời cũng là người thực hành tích cực cùng với Lù A K là người trực tiếp chỉ dẫn, chứng kiến S mua ma túy để cùng được sử dụng ma túy. Hành vi tàng trữ trái phép hai chất ma túy có khối lượng tổng cộng là 5,0595 gam của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội nghiêm trọng không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương, xã hội, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo S và K phạm tội, đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (các bị cáo chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; riêng bị cáo S khi bị kiểm tra hành chính đã tự giác lấy ma túy giao nộp, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật rất hạn chế, tuổi không còn trẻ, cần xem xét giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nhân thân: các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định S và K không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng

tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2018 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với đối với người phụ nữ bán trái phép chất ma túy cho Lù A S và Lù A K, Cơ quan chức năng đã xác minh nhưng không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã đưa đi giám định 0,1028 gam Heroine và 1,0315 gam Methamphetamine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đã niêm phong, lưu kho vật chứng: 3,9252 gam Heroine, ký hiệu là C2 thu giữ của Lù A S còn lại là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

02 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu; 02 mảnh nilon màu xanh và 01 túi vải, thêu hoa văn, có khóa kéo, dây đeo là vật dụng của Lù A S đã sử dụng làm phương tiện cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX BKS 26B2 – 213.xx; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 034453 mang tên Lù A S và 02 chìa khóa xe máy, mã số A88 là tài sản chung, hình thành từ tiền tiết kiệm của gia đình chị Sòng Thị S, chị S không biết việc bị cáo đã sử dụng khi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số, tại phiên tòa các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 và

điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo Lù A S, Lù A K.

Căn cứ vào điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Lù A S.

1. Tuyên bố: các bị cáo Lù A S và Lù A K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Lù A S 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (22/5/2018); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Lù A K 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (22/5/2018); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy của Lù A S: 3,9252 (Ba phẩy chín hai năm hai) gam Heroine, ký hiệu là C2; 02 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu; 02 mảnh nilon màu xanh và 01 túi vải, thêu hoa văn, có khóa kéo và dây đeo.

Trả lại Sông Thị S: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX BKS 26B2 – 213.xx, số khung: 4323BY395084, số máy: JC43E6340330; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 034453 mang tên Lù A S và 02 chìa khóa xe máy mã số A88.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lù A S và Lù A K.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSDT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà